

Bản án số: 54/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 25-8-2022

*“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Huỳnh Ngọc Lan

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Trường Vũ;
2. Ông Nguyễn Hoàng Tam.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Hồng Thắm là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Bảo Thịnh – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 03/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2022 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị D**, sinh năm 1988, nơi cư trú: Tổ 9, ấp Núi N, xã Tân T, thị xã Tân C, tỉnh An Giang (có mặt).

*Bị đơn:* Anh **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1985, nơi cư trú: Tổ 2, ấp Tân Phú C, xã Tân T, thị xã Tân C, tỉnh An Giang (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai về việc ly hôn đề ngày 27/12/2021 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày: Chị và anh H tự tìm hiểu tình cảm yêu thương nhau và anh chị tự về chung sống với nhau vào năm 2006, có tổ chức lễ cưới nhưng không có đăng ký kết hôn theo pháp luật quy định.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống có hạnh phúc nhưng về sau thì không còn hạnh phúc nữa. Nguyên nhân, do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, vợ chồng không tìm được tiến nói chung nên không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa và vợ chồng không còn chung sống với nhau từ đầu năm 2021 cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị D yêu cầu được ly hôn với anh H.

Trong thời gian chung sống chị D và anh H có 01 đứa con chung tên Nguyễn Văn L, sinh ngày 20/10/2007. Hiện nay con đang sống với chị D. Khi ly hôn tùy theo nguyện vọng của con muốn sống với ai thì người đó nuôi. Chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh Nguyễn Văn H đến Tòa án để cung cấp lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh H đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải được vụ án.

Tại biên bản xác minh ngày 30/6/2022, ông Cao Bảo H là phó ban nhân dân ấp Tân P cung cấp: Anh Nguyễn Văn H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 2, ấp Tân P, xã Tân T, thị xã Tân C, tỉnh An Giang. Anh H và chị D có tổ chức lễ cưới, nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới thì vợ chồng anh H, chị D đi làm ăn xa, không thường có mặt tại địa phương, chỉ về nhà vào dịp lễ, tết nên mâu thuẫn của vợ chồng anh H, chị D địa phương không rõ. Anh H và chị D có 01 đứa con chung, hiện nay sống với ai ông không biết.

Tại biên bản ghi nhận ý kiến và nguyện vọng của người chưa thành niên ngày 10/01/2022 thì cháu Nguyễn Văn L có nguyện vọng được sống chung với mẹ.

Tại phiên tòa: Chị Nguyễn Thị D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

*- Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu:*

*Về thủ tục tố tụng:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự chấp hành thủ tục tố tụng từ khi thụ lý đến khi xét xử đã thực hiện đúng theo quy định tại các Điều 70, 71, 191, 192, 203 và Điều 239 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

*Về nội dung vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Không công nhận chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Văn H là vợ chồng; về con chung: Chị D và anh H có 01 đứa con chung tên Nguyễn Văn L, sinh ngày 20/10/2007. Hiện nay con đang sống với chị D.

Cháu Nguyễn Văn L có nguyện vọng được sống chung với mẹ do đó đề nghị HĐXX giao con chung cho chị D được quyền nuôi dưỡng; Về tài sản chung và nợ chung: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó đề nghị HĐXX không xem xét giải quyết.

*Về án phí:* Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Nguyễn Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu nhận định:

#### **[1] Về thủ tục tố tụng:**

Về thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị D có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn H, có nơi cư trú tại ấp Tân Phú C, xã Tân T, thị xã Tân C, tỉnh An Giang là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28 điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

#### **[2] Về nội dung:**

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Văn H chung sống với nhau từ năm 2006 nhưng anh chị không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị được xem là hôn nhân không hợp pháp.

Hội đồng xét xử xét thấy, Chị D và anh H tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng. Sau khi anh chị chung sống với nhau thì cuộc sống chung của vợ chồng lúc đầu có hạnh phúc nhưng về sau thì không còn hạnh phúc nữa. Nguyên nhân, do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa và anh chị không còn chung sống với nhau từ đầu năm 2021 cho đến nay. Nay chị D yêu cầu được ly hôn với anh H. Hội đồng xét xử xét thấy tuy anh chị về chung sống với nhau tuy có tổ chức lễ cưới, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân không hợp pháp. HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xét không công nhận chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Văn H là vợ chồng.

[3] Về con chung: Chị D và anh H có 01 đứa con chung tên Nguyễn Văn L, sinh ngày 20/10/2007. Hiện nay con đang sống với chị D. Khi ly hôn tùy theo

nguyện vọng của con muốn sống với ai thì người đó nuôi. Chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con và cháu Lâm có nguyện vọng được sống với chị D nên Hội đồng xét xử xét thấy để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con và vì lợi ích của con Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 58, Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xét, giao con chung cho chị D được quyền nuôi dưỡng cho đến khi cháu Lâm trưởng thành và lao động được.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị D không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh H.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó HĐXX không xem xét.

[6] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Nguyễn Thị D phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 228, khoản 1 Điều 273, Điều 278 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 14, Điều 58, Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. *Về hôn nhân:* Không công nhận chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Văn H là vợ chồng.

2. *Về con chung:* Giao con chung tên Nguyễn Văn L, sinh ngày 20/10/2007 cho chị Nguyễn Thị D được quyền nuôi dưỡng cho đến khi cháu Lâm trưởng thành và lao động được.

“Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con; anh H có quyền đến thăm nom con chung, không ai được cản trở; cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng,

giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó”.

3. *Về cấp dưỡng nuôi con*: Anh Nguyễn Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con.

4. *Về tài sản chung*: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. *Về nợ chung*: Không có.

6. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Chị Nguyễn Thị D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 0006109 ngày 04/01/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

*“Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ”.*

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TX.Tân Châu;
- Chi cục THADS TX. Tân Châu;
- UBND xã, phường;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ, V.phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Ngọc Lan**